

Bản án số: 21/2024/LĐ-ST
Ngày: 10 – 5 – 2024
V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Rạt;
- Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 127/2023/TLST – LĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST – LĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2024/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH Y (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Lô S, 5 đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SHIH CHIH HUNG

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An (xin vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013, bà Nguyễn Thị Ngọc T vào làm việc tại Công ty cổ phần S1, bà có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011017089.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị Ngọc H có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho bà H mượn giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Ngọc T để bà H đi làm việc tại Công ty TNHH Y trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013. Khi bà H mang tên bà Nguyễn Thị Ngọc T làm việc tại Công ty TNHH Y thì bà H cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011020357 (thời điểm này bà H có độ tuổi lao động là dưới 15 tuổi).

Việc bà cho bà H mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y không phải do bản thân bà T thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 8011017089 và 8011020357 cùng mang tên Nguyễn Thị Ngọc T nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Nguyễn Thị Ngọc T) với Công ty TNHH Y thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu.

Bị đơn Công ty TNHH Y vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H có văn bản trình bày: Do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ngọc T để vào làm việc tại Công ty TNHH Y từ tháng 6 năm 2011 cho đến tháng 02 năm 2013. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với sổ Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011020357. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH Y có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Ngọc T từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 với Sổ bảo hiểm 8011020357, bà T

chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại Công văn số 02 ngày 02/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L phúc đáp Công ty TNHH Y có mã số doanh nghiệp: 1101304609, địa chỉ trụ sở: Lô C và Lô E đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An đã giải thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Nguyễn Thị Ngọc T) với Công ty TNHH Y thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013; Bà Nguyễn Thị Ngọc T được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty CP S1 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011017089; Bà Nguyễn Thị Ngọc H được liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả lại số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế tại Công ty TNHH Y, địa chỉ trụ sở: Lô C và Lô E đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011020357.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH Y có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH Y là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc H và

Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện Công ty TNHH Y vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị Ngọc T nộp Sổ BHXH mã số 8011017089; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng số 8011017089 và số 8011020357 cùng mang tên Nguyễn Thị Ngọc T.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 02/2013 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng do bà Nguyễn Thị Ngọc H là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH Y thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc T không cung cấp được hợp đồng lao động và bà H cũng không cung cấp được Sổ bảo hiểm xã hội do bị thất lạc. Căn cứ vào công văn của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH Y có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Ngọc T từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011020357 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty Y có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Thị Ngọc H mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 tại Công ty TNHH Y theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011020357. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Ngọc T cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty CP S1 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011017089.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 thì người mang tên Nguyễn Thị Ngọc T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH Y và Công ty CP S1.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH Y nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Thị Ngọc T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty TNHH Y là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc H đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng và chi phí tố tụng thực hiện thủ tục tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 186 Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” với Công ty TNHH Y.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Nguyễn Thị Ngọc T) với Công ty TNHH Y1 thời gian từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013;

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty CP S1 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011017089;

Bà Nguyễn Thị Ngọc H được liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả lại số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế tại Công ty TNHH Y, địa chỉ trụ sở: Lô C và Lô E đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8011020357.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005219 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng thực hiện thủ tục tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu số tiền 3.000.000 đồng.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí L – Trần Thị Đồi Nguyễn Hữu Q

